

NHÀ GƯƠL CỦA NGƯỜI CƠ-TU

LƯU HÙNG

Tùng thuộc loại hình nhà công cộng ở làng người Thượng vùng Trường Sơn - Tây Nguyên, ngôi nhà rộng của các tộc Ba-na, Xơ-đăng, Gia-rai được biết đến khá rộng rãi, và đã có riêng cả bài tạp chí, thậm chí một cuốn sách chuyên khảo về nó (1), còn ngôi nhà *gươl* của tộc Cơ-tu đến nay hầu như vẫn xa lạ với nhiều người.

Một số nhà dân tộc học đã có viết về nhà *gươl* Cơ-tu. Đáng kể là: Trong cuốn sách “Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía nam)”, trong monographie về tộc Cơ-tu, tác giả Khổng Diễn dành một đoạn (17 dòng) để giới thiệu nhà *gươl* (2); trong cuốn “Các dân tộc ít người ở Bình Trị Thiên”, ở chương về dân tộc Cơ-tu, tác giả Trần Văn Tuấn dành khoảng 01 trang để miêu tả về kiến trúc này (3). Tuy vậy, qua đó mới khắc hoạ được những nét đại quát và cung cấp những hiểu biết ban đầu về nhà *gươl*. Để góp phần tìm hiểu thêm, bài viết này của tôi sẽ trình bày chủ yếu một số tư liệu liên quan, thu thập được nhân mấy chuyến điền dã ngắn ngày ở huyện Giàng và huyện Hiên, tỉnh Quảng Nam. Dẫu sự khảo sát của tôi cũng còn chưa kỹ, nhưng hy vọng qua đây có thể giúp ích chừng nào đó cho những ai muốn biết hoặc muốn đi sâu nghiên cứu về loại hình nhà này nói riêng và về nhà cửa nói chung, của người Cơ-tu cũng như của các tộc Thượng.

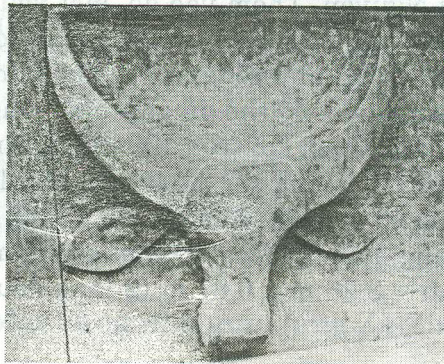
Ở nước ta, tộc Cơ-tu hiện nay ước khoảng gần 5 vạn người. Họ cư trú tương đối tập trung tại khu vực miền núi phía tây bắc tỉnh Quảng Nam và tây nam tỉnh Thừa Thiên-Huế, tiếp giáp với địa bàn phân bố người Cơ-tu bên Lào.

Từ những năm đầu thập niên 60 của thế kỷ XX trở về trước, mỗi làng Cơ-tu đều có một nhà *gươl* (hay *gôl*) - gọi theo tiếng Cơ-tu. Tương tự nhà rộng ở Bắc Tây Nguyên, nó là ngôi nhà chung của dân làng, ví như đình làng, và vì thế người Kinh vùng Quảng Nam-Thừa Thiên thường gọi là “nhà làng”, “nhà đình”. Trong các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Katuic ở Việt Nam, chỉ thấy truyền thống nhà công cộng phổ biến và tiêu biểu ở người Cơ-tu; nó “không xuất hiện phổ biến và thống nhất trong các nhóm của người Vân Kiều”(4), cũng “không phải là một kiến trúc có tính chất truyền thống và phổ biến” ở người Tà-ôi, hơn nữa, có thể đã du nhập từ vùng Cơ-tu sang vùng Tà-ôi (5).

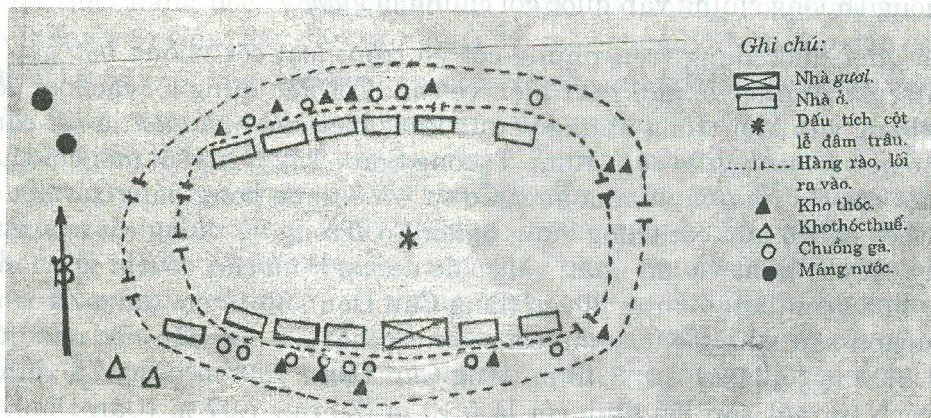
Theo nếp cổ truyền, làng người Cơ-tu có một khu gia cư tập trung được rào xung quanh, có cổng ra vào. Trong đó, nhà ở của dân làng bố trí thành một vòng hình vành khuyên hoặc gần như thế, bao quanh khoảng sân chung rộng ở giữa. Nghe kể lại, xưa kia nhà *gươl* ở trung tâm sân làng, các ngôi nhà khác đều quay mặt về đây. Theo quan sát của chúng tôi (từ năm 1977 trở đi), nhà *gươl* quả là thường được dựng tại vị trí trung độ, nhưng nó cũng đứng cùng dãy với các ngôi nhà ở trong làng (xem sơ đồ 1).

Nhà *gươl*, giống như nhà cửa của các tộc Thượng ở vùng Trường Sơn - Tây Nguyên nói chung, được làm bằng gỗ, tre nứa, lá, dây mây khai thác trong rừng tại địa phương, và về cơ bản được tạo dựng theo kỹ thuật kiến trúc truyền thống chung của xứ Thượng. Tuy nhiên, nó cũng có những nét đặc thù.

Tương tự nhà rông, nhà *gươl* là ngôi nhà sàn, cao lớn và đẹp nhất trong làng. Nhưng nhà rông, như thường được biết đến, thuộc loại kiến trúc 4 mái, với dáng vút cao lên, thậm chí rất cao; còn nhà *gươl* lại theo truyền thống mái uốn khum tròn ở 2 đầu hồi, kiểu mai rùa, mà nhà ở của người Cơ-tu cũng vậy - Đó là một nét văn hoá lâu đời vốn đặc trưng cho nhiều cư dân dòng ngôn ngữ Môn-Khmer ở miền núi. Tuy "mái tròn" kiểu mai rùa như vừa nói, nhưng trong tiếng Cơ-tu vẫn có sự phân biệt 2 loại: *chrtôp acăn* - dùng chỉ phần 2 mái bên, và *chrtôp chrmoc* - chỉ phần mái đầu hồi. Tại đôi nơi, nhất là khu vực xã Ba, xã Tư ở huyện Hiên, do ảnh hưởng lối kiến trúc của người Kinh xứ Quảng, nên đã xuất hiện kiểu nhà *gươl* 4 mái. Song, đó không phải nét đặc trưng và phổ biến.



Bạc trèo hình dâu trâu
(nhà *gươl* làng Tà-vaç, huyện Hiên, năm 1997)



Sơ đồ 1: Khu gia cư làng Chăn Đon (1977)

Thêm nữa, *nhà gươl mái phẳng, nóc thẳng, sàn hình chữ nhật ngắn*, không kết cấu nóc vồng lên, mái cũng vồng lên ở phần dưới, nhịp theo đó là mép trên của vách vồng lên và 2 cạnh bên của sàn cùng lượn cong ra phía ngoài, như nhà rông nhiều nơi ở Bắc Tây Nguyên, và cũng không phải loại nhà rông dài như của người Ba-na vùng An Khê-Kbang (Gia Lai).

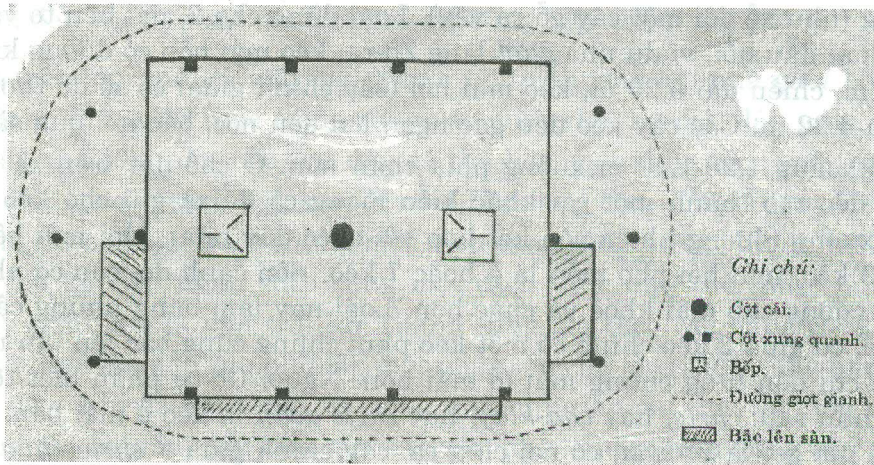
So với nhà rông, *nhà gươl thấp hơn, dáng nặng nề và quy mô nhỏ hơn*. Nếu như ở Gia Lai, Kon Tum, xưa kia có những nhà rông chứa được tới 300-400 người(6), thì ở Quảng Nam, mới chỉ được biết có nhà *gươl* có thể chứa được “cả trăm người”(7). Sự chênh lệch như thế có liên quan đến quy mô dân số trung bình của làng ở mỗi vùng. Tuy nhà rông và nhà *gươl* đều phản ánh một cách tương đối về quy mô dân số trong làng, nên có nhà lớn, có nhà nhỏ, nhưng với cảnh quan ở Bắc Tây Nguyên, các tộc Ba-na, Gia-rai, Xơ-đăng có nhiều làng đông người hơn, không hiếm làng tới 500-1000 nhân khẩu, thậm chí hơn nữa; còn với đặc điểm không gian hẹp của cảnh quan rừng núi Trường Sơn ở vùng Cơ-tu, phần lớn các làng chỉ có vài ba trăm khẩu. Nhìn chung, làng người Cơ-tu không đông bằng làng người Ba-na, Gia-rai, Xơ-đăng ở Bắc Tây Nguyên. Thêm vào đó, một yếu tố khác có liên quan là, theo tục Ba-na, Gia-rai, Xơ-đăng, có những dịp toàn thể dân làng tập trung sinh hoạt và liên hoan uống rượu trong nhà rông; còn ở nhà *gươl* Cơ-tu thì điều này chỉ dành cho nam giới. Vì những lẽ đó, có thể dễ gặp nhà rông ở Bắc Tây Nguyên với diện tích sàn khoảng 60-80 m², thậm chí trên 100 m², nhưng nhà *gươl* Cơ-tu, trong chừng mực chúng tôi biết được, thường chỉ 30-40 m², loại lớn cũng chưa tới 60 m². Điều này thể hiện qua số đo cụ thể sàn nhà *gươl* ở 3 làng thuộc huyện Giăng như sau: ở làng Zờ-ra (xã Ta-bhing, năm 1994) = 6,65 m x 5,95 m; ở làng Căn Đon = 7,30 m x 4,79 m, và làng Zà-zinh = 8,28 m x 6,87 m (2 làng đều thuộc xã Chà Vài, năm 1977).

Người Cơ-tu có sự phân biệt nhà *gươl* thành 2 loại: Chỉ loại nhà lớn, cột to, vách gỗ đục mộc, trang trí đầy đủ và cầu kỳ mới được gọi là *gươl* đích thực; còn loại nhà nhỏ, cột nhỏ, vách bằng phen, trang trí đơn giản thì được gọi là *chrpuơng*. Tuy nhiên, thông thường chúng vẫn được gọi chung là *gươl*.

Nhà *gươl* được dựng trên những cột gỗ tròn, loại cột vuông bắt gặp đây đó (như ở làng Zà-zinh) có lẽ mới xuất hiện về sau. Cột đều dùng lõi các loại gỗ tốt và được đẽo bằng rìu. Một trong những yếu tố khác biệt của nhà *gươl* là *kết cấu có cột cái dựng ở vị trí chính giữa sàn*. Khắp Trường Sơn - Tây Nguyên, mới chỉ thấy kiểu nhà có một cột cái như vậy ở nhà *gươl* Cơ-tu, và ở dạng bóng dáng xa một chút là loại kho thóc chỉ có một cột trong vùng người Co. Trong hệ thống cột của nhà *gươl*, đây là cây cột cao nhất và lớn nhất; vài số đo đường kính của nó (tại vị trí mặt sàn) như sau: 44,58 cm (làng Zờ-ra), 30 cm (làng Căn Đon), 39,17 cm (làng Zà-zinh). Trừ đoạn gốc chôn sâu xuống đất, phần cột vươn từ mặt đất lên đến nóc nhà có độ dài như sau: 6,00 m (làng Zờ-ra), 8,43 m (làng Căn Đon), 7,36 m (làng Zà-zinh); riêng khoảng cách từ mặt sàn lên đỉnh cột là 5,10 m (Zờ-ra), 7,07 m (Căn Đon), 5,72 m (Zà-zinh).

Cây cột cái nói trên (*mãng*, hay *moang*, *muông*) là tâm điểm của nhà, còn hệ thống các cột khác (*tờ-nol*, hay *tờ-năl*) tạo thành hàng một vây xung quanh theo

hình e-líp, hình bầu dục, song hành với đường e-líp của chân mái. Chúng gồm 2 loại: cột bên (*tờ-nơl acăn*) và cột đầu hồi (*tờ-nơl acon*, hay *tờ-nơl chrmóc*). Khác cách dựng cột theo đường cong song song với cạnh sàn của kiểu nhà rông truyền thống ở nhiều nơi trên Bắc Tây Nguyên, *trong nhà gươl những cột bên bao giờ cũng dựng thành 2 hàng thẳng dọc theo mép sàn*; nếu nhà lớn thì 4 cột/hàng, nhà nhỏ - 3 cột/hàng; cột thường có đường kính 20-22 cm, khoảng cách từ mặt sàn tới đỉnh cột là 1,77 m (Căn Đon), 2,08 m (Zà-zinh). Mỗi đầu hồi có 3 cột, dựng tạo thành một đường cánh cung ôm vào nhà, đều cao bằng những cột bên, nhưng thường nhỏ hơn một chút (xem sơ đồ 2). Khi dựng nhà, người ta chôn 2 hàng cột bên trước, rồi đến cột cái, sau đó là hàng cột ở 2 đầu hồi.



Sơ đồ 2: Mặt bằng nhà gươl làng Zà-Zinh (1977)

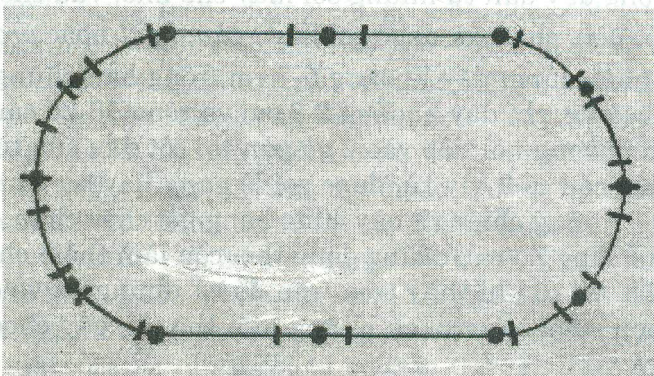
Nhà *gươl* không nằm ngoài truyền thống kiến trúc Trường Sơn - Tây Nguyên, cũng kết cấu trên cơ sở "vì cột". Trừ cột cái, còn lại đầu cột đều được bỏ ngoàm ở dạng có thành thẳng đứng, để đặt vào đó một sà dài bằng gỗ có tác dụng liên kết các cột lại theo hàng dọc. Vòng quanh cột, ngay sát dưới ngoàm, người ta có thể đóng đai bằng một vòng dây đan từ những sợi mây chẻ nhỏ, vừa cho đẹp, vừa tránh nứt vỡ gỗ. Ở 2 dãy cột bên, chiếc xà được gọi là *gờ-găn*, *kgăl* hoặc *prang*, có tiết diện cắt ngang hình chữ nhật đứng, dày khoảng 5-7 cm, rộng bản chừng 35-40 cm. Ở 2 đầu hồi, xà có tên là *vương*, chỉ dày khoảng 2-3 cm và rộng 18-20 cm để dễ uốn cong theo các cột đỡ nó; mỗi *vương* nối tiếp vào 2 *gờ-găn* tại cột đầu của từng dãy cột bên. Theo chiều ngang nhà, còn có 2 cây xà, được gọi là *gang* hay *nờ-nang*, liên kết từng đôi cột bên với nhau - Những chiếc xà này cũng bằng gỗ, chắc chắn, rộng bản tới 25 cm và dày 8 cm (như ở làng Zờ-ra); chúng đồng thời còn làm thêm chức năng để treo cái giàn phía trên bếp, và có khi thấy treo trên đó cả những bó vỏ cây *chuồn* lấy ở rừng về dùng làm men rượu cần, rồi cả những mũi thò (8), gậy chọc lỗ tria lúa rẫy v.v. nữa.

Đó là bộ khung - cột cơ bản của nhà *gươl*. Như vậy, sự phân bố hệ thống cột xung quanh và hình thức xà dọc chạy theo vòng hàng cột đã quy định hình dạng

nhà không phải 4 hoặc 2 mái, mà tựa như một cái mai rùa úp xuống - nhiều người thường gọi là “kiểu mái tròn”.

Đầu cột cái bao giờ cũng đỡ chính giữa một đòn nóc (*zờ-zinh*) - Đây là thanh gỗ lớn rất khoẻ, dày và to bản, dài tương ứng với chiều dọc sàn nhà; có làng đểo tạo hình cây nóc nhà *gươl* khá kỳ công với đường nét cong và uốn lượn đẹp mắt. So với chiều dài từ cây cột tận cùng đầu hồi này đến cây cột tận cùng đầu hồi kia, đòn nóc bao giờ cũng ngắn hơn để tạo độ dốc thoải cần thiết cho mái hồi; mức chênh ấy đo được cụ thể là: 1,80 m ở Căn Đon, 3,80 m ở Zà-zinh, 2,60 m ở Zờ-ra. (Xem lại sơ đồ 2). Đòn nóc được liên kết với hệ thống cột - xà xung quanh ở phía dưới nhờ một hệ thống tạm gọi là “kèo”. “Kèo” là những cây gỗ dài và thẳng, được đểo tròn, hoặc mặt dưới phẳng (như xẻ đôi một cây gỗ ra vậy). Loại dùng cho 2 mái bên to và có phần dài hơn ở mái đầu hồi, ví dụ nhà *gươl* làng Zờ-ra: kèo mái bên có đường kính đo tại gốc là 22 cm, chiều dài 5,20 m, kèo mái hồi (cây chính giữa) có số đo tương ứng là 17,3 cm và 4,22 m. Các cây kèo đều gác ngọn lên đòn nóc, bắc nối qua sà rồi vươn dài thêm khoảng 1,20-1,40 m xuống phía chân mái. Ở chỗ đặt trên xà, thân kèo được chặt đểo tạo thành một cái khấc kiểu mang cá để xà giữ cho kèo không bị trượt trôi xuống (đương nhiên còn kết hợp với buộc dây nữa). Mỗi mái bên thường có 2 hoặc 3 kèo, mái hồi phổ biến là 5 hoặc 7 kèo. Bên cạnh đó, còn có những “kèo phụ” tăng cường cho mái khoẻ và chắc hơn. Loại này làm bằng những cây tre lồ ô hay gỗ nhỏ, cứ giữa 2 kèo chính có một kèo phụ; chúng cũng bắc lên tận nóc (ở mái bên), hoặc chỉ đến lưng chừng mái (ở mái hồi). Người Cơ-tu phân biệt tên gọi các loại “kèo” như sau: *chrle*, hay *cha-klay*, hay *chrle acăn* là kèo ở mái bên; còn kèo ở mái hồi có nơi gọi là *zờ-zuôl*, có nơi chia ra: cây chính giữa = *chrle chuar*, các cây khác = *chrle acon*; kèo phụ theo dân làng Zờ-ra cũng được chia ra thành *chrle acăn tuih* (ở phần mái bên) và *chrle acon tuih* (ở đầu hồi).

Trong khi số kèo mái bên được phân bố dàn đều ra và song song với nhau ở mỗi mái, thì các kèo của mái hồi đều từ đầu đòn nóc buông xuống và xoè ra kiểu nan quạt, một cây ở chính giữa, còn những cây khác phân bố cân đối về 2 bên. (Xem sơ đồ 3).



Sơ đồ 3: Vị trí "kèo"/"rui" trên xà đầu cột nhà *gươl* làng Căn Đon (1977)

Lớp “kèo” ấy đồng thời là lớp rui, để bên trên đó liên kết với một lớp vừa là đòn tay vừa là mè. Ở phần mái bên, người ta dùng những cây lồ ô, và bộ phận này thường có tên là *coong*; ở khu vực đầu hồi, đó là những thanh lồ ô để dễ uốn cong, thường được gọi là *hích coong*, hay *vit*. *Coong* và *hích coong* nối tiếp với nhau, tạo thành từng vòng hình e-líp và được buộc rất chặt vào các cây “kèo”. Bộ mái nhà *gươl* thường có trên dưới 20 vòng/hàng “mè” như thế song song nhau (Căn Đon: 21, Zà-zinh: 20, Zờ-ra: 21, Pà Bả: 17). Khoảng cách giữa 2 hàng cạnh nhau nếu dày thì khoảng 20-22 cm, nếu thưa có thể tới 30 cm (tùy từng nhà). Chu vi các vòng “mè” đương nhiên không đều nhau, vòng dưới chân mái rộng nhất, càng lên trên càng hẹp dần và đến vòng áp sát đòn nóc bao giờ cũng hẹp nhất.

Phủ trên lớp “mè” là mái lợp. Người Cơ-tu thường lợp nhà *gươl* bằng lá mây hoặc cỏ tranh già, khai thác trong rừng vào mùa khô. Lá mây lâu mục, cộng thêm độ dốc mái khá lớn, nên nếu lợp dày có thể hơn một chục năm mới phải lợp lại. Từng tàu lá được róc sạch gai, sau đó cứ 4 tàu chập làm một, lá lật cả về một bên, còn sống lá được chằng buộc chung một cách cẩn thận vào các hàng “mè” mà nó đè lên. Mây lợp kế tiếp nhau theo cùng một cách thức như thế, sống lá kề sát bên nhau. Quy trình lợp là vừa trải kín thành từng lớp theo các hàng/vòng “mè”, vừa tiến dần từ dưới lên, lớp sau phủ lấp một phần lớn của lớp trước, càng phủ nhiều thì mái càng dày. Khi đã lợp xong, từ trong nhà nhìn lên chỉ thấy lớp lớp cuống/sống (của những tàu lá mây) đều tăm tắp, san sát, phẳng phiu; còn đứng bên ngoài nhìn lên thì chỉ thấy mái lá mây và trông xa cũng dễ tưởng lợp cỏ tranh. Chân mái được xén phẳng, thường chừa dài quá hàng “mè” dưới cùng chừng 30 cm. Mái nhà *gươl* trùn xuống thấp, do đó rất hạn chế và thậm chí tưởng như ngăn chặn sự quan sát từ trên sàn ra bên ngoài cũng như ngược lại.

Khác với sàn nhà rông Bắc Tây Nguyên thường rộng hơn không gian do sự phân bố các cột nhà tạo nên, hay nói cách khác, cột nhà đều đứng lọt hẳn vào phía trong mép sàn ở cả 4 mặt, *sàn nhà gươl được giới hạn bởi 2 dãy cột bên, và từ mép đầu sàn ra đến cây cột giữa của đường vòng cung đầu hồi còn một khoảng cách* (Zờ-ra: 1,30 m, Căn Đon: 0,90 m, Zà-zinh: 1,90 m). Ở Bắc Tây Nguyên có kiểu nhà rông sàn hình e-líp cắt bỏ 2 đầu; nếu sàn nhà *gươl* được kéo dài thêm đến sát hàng cột đầu hồi thì quả là nó có dạng e-líp như vòng mái nhà. (Xem lại sơ đồ 2).

Sàn nhà *gươl* trước kia cao phổ biến trên dưới 1,50 m (ví dụ số đo năm 1977: 1,36 m ở Căn Đon, 1,64 m ở Zà-zinh); về sau xu hướng chung làm sàn thấp hơn, phần đông không tới 1 m, như ở làng Zờ-ra (0,85 m), hay ở làng Tà-vascular (huyện lỵ huyện Hiên) v.v.. Sàn được kết cấu trước hết dựa vào hệ thống cột nhà, đồng thời có những cọc chống phụ thêm nữa để tăng khả năng chịu lực cho dầm sàn. Ngoài ra, tham gia vào đó còn có cây cột đặc biệt nữa đứng chắn giữa mép sàn ở 2 đầu hồi.

Nó có thể chỉ cao hơn mặt sàn khoảng trên dưới 1 m, nhưng cũng có khi cao lên đến 1,60 m như ở làng Căn Đon - trong trường hợp này, nhà *gươl* có thể có thêm một xà dọc (*xiêng*) liên kết cột cái với 2 cột đầu sàn đó. Sàn nhà *gươl* làng Căn Đon (làm năm 1976), như sắp mô tả, thuộc loại phổ biến và có thể xem là kiểu kết cấu cổ truyền: Tầng dưới cùng gồm có 3 dầm dọc bên chắc; trong đó, ở chính giữa là một cây gỗ tròn bắc dựa vào cột cái, 2 đầu dựa vào cột đầu sàn, còn ở 2 cạnh bên là 2 gờ gỗ liền với ván làm vách - Từ cây gỗ rất to, người ta đẽo thành một tấm lớn, dày, dài, đủ để dựng vách nhà, ở một mặt có chừa lại gờ phục vụ cho việc bắc sàn. Trên 3 dầm ấy là một lớp cây gỗ nhỏ bắc ngang, cách nhau khoảng 1 m, cứ giữa 2 cây gỗ có xen một cây lồ ô. Bên trên lớp này lại đến một lớp lồ ô bổ đôi đặt dọc sàn, cách nhau chừng 0,20 m. Tiếp theo là một lớp lồ ô bổ đôi khác đặt ngang, chỉ cách nhau 3-5 cm. Rồi lại một lớp thanh lồ ô xếp dày với nhau dọc sàn. Trên cùng là mặt sàn: trải tấm giát nan lồ ô vót nhẵn ken dày bằng mây, phẳng phiu, nan nằm ngang sàn. Sàn nhà *gươl* làng Zờ-ra (làm năm 1984) có khác một chút: Dưới cùng là 3 dầm gỗ to bắc ngang (*ador đâp*), dựa vào từng đôi cột của 2 hàng cột bên. Trên đó bắc dọc một lớp gỗ tròn nhỏ hơn (*ador zuôih*), cách nhau khoảng 0,70 m. Bên trên là lớp thứ 3 (*đrong*), gồm những khúc lồ ô bổ đôi, cách nhau khoảng 0,15 m, theo chiều ngang sàn. Tiếp đến lớp thứ 4 (*trông*) được tạo bằng hàng loạt thanh lồ ô trải dọc, cách nhau chừng 0,10 m. Rồi đến mặt sàn (*pa-rach*) trải phẳng lồ ô bổ banh đập giập.

Vách nhà *gươl* (*gờ-ninh*, hay *kninh*) bao kín quanh 4 cạnh sàn, dựng thẳng đứng, không cao (0,48 m như ở Căn Đon, 0,62 m như ở Zờ-ra, 0,57 m như ở Zà-zinh v.v.). Vách phen nan là loại đơn giản, vách gỗ ván mới được coi là đẹp và sang. Loại ván độc mộc làm vách nhà *gươl* như đã nói tới ở trên đòi hỏi rất kén gỗ và đẽo rất công phu; hơn nữa, yêu cầu công phu càng lớn hơn vì đồng thời còn kết hợp với tạo hình trang trí trên đó (sẽ đề cập sau). Mỗi tấm ván thường dày khoảng 8-10 cm, dài hơn cạnh sàn, có khi mỗi đầu dài hơn tới khoảng 0,60 m, và chúng được liên kết theo lối ngòam vuông góc vào nhau tại các góc. Tương tự những bộ phận khác, người Cơ-tu cũng phân biệt ván be đàng hồi (*gờ-ninh đâp*) và ván be 2 bên (*gờ-ninh zuôih*).

Nhà *gươl* có 2 bếp, bố trí đối nhau qua cột cái và đều nằm về phía gần cột đầu sàn, hoặc cũng phân bố ở 2 đầu, nhưng định vị tại giữa khoảng cách từ hàng cột sau đến giữa sàn. Bếp (*ta-pêh*) là một ô riêng, được ngăn cách với mặt sàn xung quanh bởi 4 thanh gỗ, mỗi cạnh khoảng 1 m. Trong phạm vi đó không làm sàn; để chứa tro than và đốt lửa được, người ta đắp đất làm nền trên tấm gỗ đặt hụp xuống một chút, có cột đỡ chôn xuống đất. Theo tập quán cũ, kiềng bếp là 3 hòn đá cỡ vừa phải. Phía trên cao - như đã biết - có cái giàn treo (*tir*) hình vuông, thường để hong củi; bên dưới giàn thường treo thêm 2 thanh tre song song nhau, dùng gác những xiên thịt hay cá để sấy khô nhờ bếp lửa ở dưới.

Đọc theo hàng cột bên phía mái sau, có bắc một cái giá dài (*pa-ra*) để cất chiêng, trống, nổi v.v.. Nó được tạo ra bằng cách gá một cạnh vào thân cột nhà, còn cạnh kia dựa vào hàng đòn tay/mè thấp nhất. Ở các góc nhà cũng có thể làm thêm những giá nhỏ nữa để cất đặt vật dụng, kể cả chần chiếu của những người ngủ đêm tại *gươl*.

Có thể lên xuống nhà *gươl* qua 3 ngã: mặt trước (lối lên xuống tương ứng từng khoang cột) và 2 đầu hồi (mỗi hồi một lối), phổ biến là phải trèo 2-3 bậc. Đối với nhà *gươl*, chúng tôi chưa thấy người Cơ-tu dùng khúc cây có bậc làm thang, mà họ thường đặt nằm cây gỗ trên mặt đất và dùng tấm ván dày (được nâng bởi những suốt ngang dựa vào cột nhà và cột chôn thêm ra phía ngoài) để trèo (loại bậc này ở mặt trước có tên là *trờ-đơh apih zuoih*, ở đầu hồi : *joh đâp-bạc* dưới, *trờ-đơh apih đâp-bạc* trên). Ở những nhà *gươl* có vách ván, một nét độc đáo đáng chú ý là có loại bậc trèo hình đầu trâu được tạc nổi trên mặt ngoài của vách, dày chừng 0,10 m (xem ảnh), và do đó trong trường hợp này, vách có thể cao hơn một chút so với vách bằng phen. Một số nhà có sàn nhỏ dính vào đầu hồi (*tria*), đó chính là lối ra vào nhà (ở phía hồi). *Nhà gươl không mở cửa như nhà rông, muốn vào hay ra đều phải bước qua vách* - có lẽ vì thế nên *vách dựng thấp và thẳng đứng* như đã thông tin ở trên; không thấy kiểu vách thượng thách hạ thu như trên Tây Nguyên.

Cùng với các khía cạnh tạo hình và kiến trúc, nhà *gươl* còn đặc sắc ở những trang trí gắn với nó. Có thể nói, bản thân ngôi nhà *gươl* như một bảo tàng nghệ thuật cổ truyền của tộc Cơ-tu, đặc biệt là về điêu khắc, mà đến nay việc giải mã các mô-típ trang trí vẫn còn bỏ ngõ. Về phương diện này, nhà *gươl* giữa các làng không hẳn giống nhau; tuy nhiên, nếu căn cứ vào sự phân bố thì trên đại thể trang trí tập trung thành 3 mảng : nóc nhà, mặt ngoài nhà và bên trong nhà.

Khau cút nơi 2 đầu đốc mỗi nhà *gươl* giống nhau, và ở dạng đầy đủ đó là một phức thể điêu khắc phong phú, gồm nhiều hoa văn được tạo bằng cách chạm thủng và vẽ trên gỗ ván. Trong đó, đặc biệt thường thấy hình con chim *tờ-ring* hay chim *grooc*(9). Lấy khâu cút nhà *gươl* làng Zà-zinh làm ví dụ: Theo tiếng địa phương, nó có tên là *tờ-rờ-văng*, bao gồm 2 bộ phận. Thứ nhất, một mảng gắn vuông góc với đầu mút của cây nóc, được đục đẽo và cắt gọt để thể hiện trên một mặt phẳng hình 2 đôi chim *tờ-ring* đối xứng nhau, quay đầu về 2 hướng ngược nhau - mỗi đôi chim đều bố trí có con ở trên, có con ở dưới. Bên trên bố cục chim ấy là hình một cặp sừng trâu cong vươn lên cân đối ở chính giữa. Ngoài ra, nền gỗ còn hiện ra các đường nét màu đen ở mình chim, có cả hình con thú gì đó (?). Thứ 2, vuông góc với mảng kia, một mảng khác cắm vào đầu cây nóc, vươn ra và nhô lên, mép ván lượn cong, gần như dáng chiếc lọ thủy tinh cổ cao, bụng và đáy phình ra nảy tròn thường gặp trong phòng thí nghiệm. Cũng với lối tạo hình như nói trên, dân làng đã khắc họa hình

chim tặc, chó, sóc, trâu, hình mặt trời toả sáng, hình hoa, lá đùng đình (sao 4 cánh ?), những dạng đường zích zắc v.v., đồng thời có cả hình người (10).

Đến một số làng khác, lại có thể gặp thêm những hình trắng khuyết, đôi hồ tấn công nhau, gà trống gáy v.v. trên khâu cút. Ở dạng đơn giản, khâu cút chỉ là tấm gỗ được đẽo tạo dáng như mảng thứ 2 của khâu cút nhà *gutel* làng Zà-zinh, có hoặc không có những hình trang trí trên đó. Cũng cần lưu ý rằng: khi nhà *gutel* đã cũ, có thể thấy nó tồn tại ở dạng khâu cút không nguyên vẹn, thậm chí không có khâu cút, vì bộ khâu cút ban đầu đã hỏng, rơi rụng mất.

Những trang trí trên đường nóc không tách biệt với 2 khâu cút. Trước hết, đó là 2 hoặc 4 *krtợ* giống nhau, phân bố cách đều nhau và liên kết với nhau bằng cây suốt nhỏ. Mỗi *krtợ* ví như một bộ kèo giả bằng gỗ, nhưng đầu nhô cao hẳn lên, phần dưới có tác dụng đè xuống chống tụt nóc nhà, phần nhô cao ấy thì đã được đẽo gọt tạo hình cặp sừng trâu, hay đôi dao quắm (rựa) quay mũi vào nhau, hay biến dạng thành gần như hình đôi kiếm (11). Có người cho hay : nhà *gutel* đẹp còn có những điêu khắc hình chim thú (hổ, nai, hoẵng, lợn lòi, thỏ, chim v.v. - tùy làng) bố trí ở các khoảng cách giữa 2 *krtợ*.

Khu vực trang trí thứ 2 là quanh sàn nhà. Như ở trên đã nói tới, mặt ngoài vách gỗ ở phía trước và 2 đầu hồi có thể được tạc nổi hình những cặp sừng trâu để làm bậc trèo, nhất là cho trẻ em, thường thì người ta tạc đầy đủ hình đầu trâu (*tờ-gây ngoih*). Có khi, ở đây lại nổi lên nguyên hình con trâu, với cả sợi dây thừng buộc trâu, trông rất thật, hoặc có hình người, hình cây *tà-vạc* chẳng hạn (12). Dân sở tại cho biết, có làng còn tạc thêm hình lợn nũa, chẳng hạn: hình lợn nằm có vẻ khoan thai, mập mạp, chân duỗi chân gập, quay đầu về phía đầu trâu; và có làng còn dựng cả tượng đàn ông nghênh chào khách ở ngay phía trước nhà, bên ngoài thang lên nhà. Đoạn đầu mút các tấm gỗ lớn làm vách cũng thường được tạo hình ở phần ngoài 4 góc sàn (*bắc ha-vát*). Như ở làng Zờ-ra, chúng có dạng cong vênh lên và nhọn, theo người làng giải thích thì tất cả đó là 8 hình trăng non (*ta-coi*).

Trang trí bên trong nhà là phần phong phú và đặc sắc khác. Ở đây, người Cơ-tu tập trung thể hiện những hình điêu khắc kết hợp với tô vẽ trên các thân cột, trên mặt trong của xà và mặt dưới "kèo". Cũng như ở 2 khu vực vừa nói trên, việc trang trí cụ thể không giống nhau giữa các làng. Đỉnh cột đầu sàn ở làng này có thể tạc hình thỏ ngồi, ở làng kia - hình người chẳng hạn. Tương tự, ở cột cái có thể tạc hình con hổ, hay hình gì khác, hoặc có làng không trang trí. Mặt dưới "kèo" mái bên, đặc biệt mái trước, là chỗ dành cho hình con rùa với cây đa v.v.. Thường gặp nhất những hình loài bò sát tạc dọc theo xà nhà, mỗi khoang cột một con, các con vật trên một dãy xà đều cùng loại với nhau và khác với những con ở dãy đối diện. Hãy xem trang trí xà nhà *gutel* làng Zờ-ra như một ví dụ: Trên xà của hàng cột trước có

tạc nổi hình 2 con trăn (*ping nga*, hay *chgruôn*, hay *ti-lăn*), mỗi con dài gần hết một khoang cột. Trăn uốn khúc, hướng đầu về nhau, thân mình được vẽ vẩy phồng theo da trăn nhưng 2 con không hoàn toàn giống nhau, tuy cùng sắc màu đen, xanh và trắng. Trên xà của hàng cột sau, tương ứng là 2 hình rồng (*pa-dưa*, hay *cha-luông*) cũng uốn khúc và châu đầu vào nhau, với sắc màu chủ yếu là đỏ và xanh. Rồng nhe răng trắng nhọn, đầu dài kiểu đầu trăn bên kia, có 4 chân (mọc tại khúc vồng thứ nhất và thứ 2), có vẩy, có bờm suốt từ đầu mõm qua lưng tới đuôi và xuống cả mặt dưới của đuôi, một con chân có 4 ngón nhọn cong tựa chân gà, một con có 5 ngón với 3 cựa, cựa giống như bờm. Rồng cũng như trăn ở đây, có lẽ, đều gồm một cặp: có con đực và có con cái. Hình rồng điêu khắc khá đẹp ở nhà *gươl* làng Pà-lal (xã Cà-di, huyện Giàng) cũng có 4 chân, có vẩy, có bờm dọc từ trên mõm tới đuôi, đuôi kiểu đuôi cá, có râu dưới cằm, mắt mở, miệng hé mở, chân có ngón, thân mình uốn lượn uyển chuyển. Hình tượng rồng ở nhà *gươl* Cơ-tu được khắc họa đa dạng: có rồng đuôi nhọn, có rồng đuôi xoè kiểu đuôi cá, miệng ngậm hoặc mở, có râu hoặc không râu v.v., nhưng đặc điểm chung là chúng giống lột rấn rất rõ rệt.

Vào bên trong nhà *gươl* ở các làng người Cơ-tu, cũng hay bắt gặp mô-típ từng đôi kỳ đà (*tà-ri*) được chạm khắc nổi trên mặt gỗ, có vẻ sống động, màu sặc sỡ, ở tư thế 4 chân dang rộng như đang bò, đối đầu với nhau. Cùng thuộc loài bò sát, con tắc kè (*chà-châng*), con *xông hơ-loóc*(13) là chủ đề xuất hiện khá phổ biến trong trang trí nhà *gươl*. Ngoài ra, những hình động vật khác có thể kể đến tiếp, như: hình con chó, hình đôi chó giao cấu, hình đôi chó cắn vào đầu và đuôi con trăn, hình thỏ trắng, hình gà trống đang gáy, hình cá, hình đôi rùa bơi hướng đầu vào nhau, hình chim *tờ-ring* v.v.. Có khi, một nhân vật trong truyện cổ cũng được lấy làm hình tượng trang trí, chẳng hạn: có làng khắc vào thân cột ở chính giữa 2 đầu sàn nhà hình tượng *AJêh* và *Đăm Ma-riêng* là 2 quái vật - theo chuyện kể(14); có làng tạc hình “thủy quái” *Ca-xo* nửa người nửa vật, mà theo truyện cổ thì nó là bạn của cá và xa xưa con người đã phải chịu ơn vì được nó cứu giúp thoát nạn nơi sông suối(15); hay làng La-bơ A (xã Chà, Vài) lại tạc hình một chàng trai nắm đuôi voi trong tư thế giàng co với voi và hình anh ta đắc thắng nằm trên lưng voi, dựa vào truyện cổ kể về chàng Mười (*Đăm Mjät*) tay không bắt voi rừng cho làng ăn thịt v.v..

Cùng với điêu khắc, việc trang trí trong nhà *gươl* có thể gồm cả những hình vẽ. Chẳng hạn, nhà *gươl* làng Pà Bả (xã Tà-bing, huyện Giàng, năm 1977) có hàng loạt hình trâu, chó, lợn, gà, vịt, chồn, cáo, thỏ, mèo, voi, bướm, cóc v.v. vẽ trên mặt bên của các đoạn xà dọc theo dãy cột; thêm vào đó còn thấy hình súng, ô tô, ghế 3 nan, cờ đỏ sao vàng nữa. Đồng thời, thân cột cái và mặt trước của 3 cột dãy sau có vẽ hình người dị thường - có lẽ là hình một siêu linh hay yêu quỷ gì đó (?).

Hình người cũng xuất hiện trong trang trí bên trong nhà *grol*. Có thể gặp đây đó những hình khắc họa người đàn ông ở các tư thế và cảnh huống khác nhau, như : vuốt râu rồng hay xoa đầu rồng, thổi khèn, ngồi trầm tư với một tay chống lên trán, một tay vòng đầu gối, cảnh cha ngồi bới tóc bắt chấy cho con, trong khi 2 tay đứa bé cầm con chim nhỏ, cảnh 2 chàng trai ngồi kéo đuôi 2 con kỳ đà, cảnh 2 người đi săn về với con thú trĩu nặng đòn khiêng v.v.. Có cả những hình mang âm hưởng mới mẻ, như : hình người đàn ông ngồi trên tảng đá ở sông và tay cầm bánh xà phòng đang tắm, hình cặp trai gái ôm nhau, thậm chí cả hình máy bay lên thẳng và máy bay oanh tạc của quân đội Mỹ-ngụy thời miền Nam chưa giải phóng cũng được tạc trong nhà *grol*.

Hình thức điêu khắc kết hợp với tô vẽ của người Cơ-tu còn khá thô phác, nghệ thuật chưa phải là tinh xảo, nhưng lại toát ra vẻ sát thực và có phần hợp lý về đối tượng được khắc họa, thể hiện sự quan sát tinh tế và hiểu biết sâu sắc của những nghệ sĩ dân gian trong các làng Cơ-tu về thế giới quanh họ. Cho nên, chẳng hạn, vảy kỳ đà họ khắc họa khác vảy *xông hờ-looc*; hình *Ca-xo* thường ở gần hình cá và có nét hiền hậu phụ nữ; hình quái vật *Đăm Ma-riêng* và *Ajêh* tay trái chống cằm, tay phải tỳ lên đầu gối, như buồn bã hối tiếc quá khứ; hình con chó có khi được bôi màu đen và trắng thành chó khoang xinh xắn v.v.. Việc sử dụng màu sắc làm cho các hình khắc trên gỗ rõ nét hơn, nổi bật lên, sinh động thêm. Ba màu truyền thống của người Cơ-tu là: đen, đỏ và trắng. Đến nay, đó vẫn là những màu chủ đạo trong nghệ thuật trang trí Cơ-tu, nhưng đồng thời họ còn dùng thêm cả màu vàng, màu xanh. Trước kia, màu sắc đều tự tạo từ những chất liệu tìm kiếm tại chỗ, như: nhọ nồi, nhựa hoa chuối, một số loại củ và cây rừng, tro vỏ ốc v.v.. Ngày nay, sơn công nghiệp đã trở nên phổ biến và được ưa thích.

Tính đăng đối và kết cấu cặp đôi là một điểm đáng chú ý trong trang trí nhà *grol*. Có thể ẩn chứa ở đó là quan niệm thẩm mỹ cổ truyền của cộng đồng ? hay còn là sự phản ánh của tư duy gì đó khác, như về tín ngưỡng phồn thực nguyên thủy, về quan niệm lưỡng hợp-lưỡng phân chẳng hạn v.v. ? Để làm sáng tỏ những điều này, cần nghiên cứu cẩn thận và sâu kỹ một cách có hệ thống. Song, qua thực tế quan sát một số nhà *grol*, thường thấy hiện tượng đăng đối và cặp đôi. Đặc biệt, đằng sau những mô-típ đôi chim *tờ-ring*, đôi trăn, đôi rồng, đôi kỳ đà, đôi rùa, đôi chó, hình tượng con trâu v.v. vẫn đang còn những bí ẩn hấp dẫn về mặt khoa học.

Từ một số nét chấm phá về nhà *grol*, mà mới chỉ về bản thân ngôi nhà, có thể ghi nhận đôi điều như sau :

- Nhà *grol* người Cơ-tu bảo lưu đậm nét dấu ấn của một hình thức kiến trúc cổ truyền ở những cư dân nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer (thuộc ngữ hệ Nam Á). Không phải riêng Việt Nam và riêng một số tộc nói ngôn ngữ Môn-Khmer mới có

kiểu nhà “mái tròn” hay “mái mu rùa”. Song, trên phạm vi lãnh thổ nước ta, trừ nhóm Thái Đen là ngoại lệ, thường thấy nó hiện diện nổi bật trong những tộc nói ngôn ngữ Môn-Khmer ở 3 vùng : Tây Bắc, Bắc Trường Sơn, Nam Tây Nguyên-Đông Nam Bộ; bên cạnh đó, nó còn được quan sát thấy ở cả đôi nơi khác, như ở người Ca-dong huyện Trà My, tỉnh Quảng Nam (thuộc tộc Xơ-đăng) v.v.. Một điều đáng lưu ý là, lâu nay tổ tiên các tộc thuộc dòng ngôn ngữ này được coi “là những người đầu tiên lập nghiệp trên bán đảo Đông Dương và có thể ở một số vùng miền tây-nam Trung Quốc ... Ở Việt Nam, vào thiên niên kỷ thứ I sau CN, họ cư trú khắp miền núi phía Tây từ lưu vực sông Đà, sông Mã đến vùng cao nguyên Nam Trung Bộ”(16). Như vậy, rất có thể hình thức kiến trúc nhà “mái tròn”, trong đó có nhà *gươl* của tộc Cơ-tu, tiếp nối từ thuở xa xăm ấy. Dù sao đi nữa, nhà *gươl* là một trong những chứng tích vật chất về một truyền thống nhà cửa lâu đời, đặc biệt gắn liền với nhiều cư dân thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer miền núi nước ta.

- Hình thức nhà công cộng này của làng người Cơ-tu thuộc hệ thống nhà rông ở Tây Nguyên, đồng thời nằm trong truyền thống nhà công cộng có lịch sử lâu đời của cư dân Đông Nam Á . Nó vừa có những điểm chung hoặc gần gũi với các loại nhà rông thường được biết tới của cư dân vùng Bắc Tây Nguyên, vừa mang những sắc thái riêng thể hiện qua diện mạo, cấu trúc và trang trí, mà trong sự so sánh này, nét khác biệt là chủ yếu và trội hơn hẳn. Có thể xem nhà *gươl* như hiện thân của một dòng kiến trúc trong khuôn tranh kiến trúc nhà cửa cổ truyền ở xứ Thượng.

- Nhà *gươl* chứa đựng những giá trị văn hoá phong phú, quý báu, đặc sắc, có những yếu tố độc đáo. Nó là một đối tượng nghiên cứu hấp dẫn của dân tộc học, folklore học, kiến trúc, tôn giáo. Nó góp một sắc thái đẹp làm cho loại hình nhà rông ở vùng Trường Sơn - Tây Nguyên thêm đa dạng. Trong văn hoá của tộc Cơ-tu, nhà *gươl* chiếm vị trí đặc biệt quan trọng, là một yếu tố/hiện vật liên quan tổng thể đến cả văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần, đồng thời là một thiết chế xã hội cực kỳ nổi bật trong đời sống cổ truyền của từng cộng đồng làng. Do đó, nó rất đáng được trân trọng giữ gìn như đối với một loại di sản văn hoá đặc biệt của tộc Cơ-tu đóng góp vào vốn văn hoá chung của đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Trước hết, nó cần được chính người Cơ-tu bảo tồn sinh động và liên tục ngay trong cuộc sống ở các làng của họ. Đương nhiên, họ cần được tạo điều kiện và khích lệ để thực hiện công việc có nhiều ý nghĩa này. Sẽ là mất mát vô cùng đáng tiếc nếu không còn nhà *gươl* nữa !

Đoạn cuối bài viết nhỏ này dành cho vài thông tin về thực trạng nhà *gươl* ở vùng Cơ-tu. Cũng tương tự như tình hình đáng buồn của nhà rông ở Bắc Tây Nguyên, nó đã bị suy thoái trầm trọng. Quá trình suy thoái diễn ra khá nhanh từ

khoảng những năm 60 của thế kỷ XX trở đi. Những biến động lớn và kéo dài trong thời chiến tranh (trước 1975) là tác nhân mạnh mẽ rõ rệt. Sau đó, trong giai đoạn xây dựng cuộc sống mới, sự biến đổi sâu sắc và phát triển toàn diện về kinh tế-xã hội-văn hoá tiếp tục tác động đến số phận nhà *gươl*. Xã hội làng cổ truyền được giải thể; công tác định canh định cư làm thay đổi hẳn hình thức cư trú cũ; điều kiện sống và nếp sống ít nhiều khác trước; quan niệm mới, cách nhìn nhận mới, sự ưu trội của xu thế hướng tới cái mới, nhất là ở lớp trẻ; có cả việc một thời nhiều người thiếu coi trọng đúng mức đối với văn hoá cổ truyền, đối với nhà *gươl* nói riêng; thêm nữa, gỗ và vật liệu rừng ngày càng khan hiếm v.v. - Đó là những nguyên nhân khiến cho nhà *gươl* dần dần thưa vắng đi trong các làng Cơ-tu. Đến nay, chỉ còn ít làng duy trì nhà *gươl*; đồng thời, thường nhà *gươl* nhỏ bé hơn xưa, trang trí đơn sơ, đó là chưa nói tới tập quán sinh hoạt nhà *gươl* hầu như đã mất đi, hoặc lỏng lẻo hơn xưa rất nhiều. Nhìn chung, nhà *gươl* đã và đang phai nhạt trong đời sống của người Cơ-tu ở nước ta.

Ngày nay, khi còn chưa quá muộn, việc khôi phục, duy trì nhà *gươl* một cách rộng rãi là cần thiết và phải kịp thời, để những ngôi nhà *gươl* kiểu cổ truyền có cơ sống lại và gắn bó mãi mãi cùng các làng người Cơ-tu. Điều này cũng thể hiện sinh động tinh thần thực hiện ở vùng Cơ-tu Nghị quyết TW 5 (khoá VIII) của Đảng ta về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Chú thích

- (1). Vị Hoàng - *Nhà rông của các dân tộc ở bắc Tây Nguyên*, Tạp chí Dân tộc học, số 4-1976, tr.62-69.
Nguyễn Khắc Tụng - *Nhà rông các dân tộc bắc Tây Nguyên*, Tạp chí Dân tộc học, số 3-1988, tr.59-64.
Nguyễn Khắc Tụng chủ biên - *Nhà rông các dân tộc bắc Tây Nguyên*, Nxb KHXH, Hà Nội, 1991, 180 tr.
- (2). Viện Dân tộc học - *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía nam)*, Nxb KHXH, Hà Nội, 1984, tr.156-157.
- (3). Nguyễn Quốc Lộc chủ biên - *Các dân tộc ít người ở Bình Trị Thiên*, Nxb Thuận Hoá, Huế, 1984, tr. 190-191.
- (4). Nguyễn Quốc Lộc chủ biên - *Các dân tộc ít người ở Bình Trị Thiên*, Đã dẫn, Tr. 122.
- (5). Nguyễn Quốc Lộc chủ biên - *Các dân tộc ít người ở Bình Trị Thiên*, Đã dẫn, Tr. 157.
- (6). Đỗ Kim Tấn - *Tình hình sưu tầm và khai thác vốn văn nghệ truyền thống các dân tộc trong tỉnh những năm qua và phương hướng nhiệm vụ sắp tới*. Trong

- kỷ yếu *Giữ gìn và phát huy vốn văn hoá truyền thống của dân tộc*, Ty Văn hoá-Thông tin tỉnh Gia Lai-Kon Tum, 1981, Tr. 36.
- (7). Đảng bộ Đảng cộng sản Việt Nam huyện Giàng - *Những sự kiện lịch sử huyện Giàng (1885-1975)*, Nxb Đà Nẵng, 1990. Tr. 199.
- (8). *Thò* là loại bẫy và vũ khí phổ biến của các tộc Thượng ở Trường Sơn-Tây Nguyên. Nó hoạt động theo nguyên tắc dùng lực đàn hồi mạnh của cần bẫy để phóng đi mũi tên lớn làm bằng thanh nửa sắc nhọn (*mũi thò*). Trong săn bắn, thò được dùng để hạ sát thú lớn, như: lợn rừng, nai v.v..
- (9). Đây là 2 giống chim lớn nhất mà người Cơ-tu biết tới. Nghe tả lại thì chúng to bằng con gà, thậm chí to cỡ con ngỗng, đầu bằng cái bát, mỏ màu vàng đỏ, to và dài (mỏ *grooc* to và dài hơn), lông cánh và thân trắng, đầu và đuôi đen (chim *grooc* ít lông đen hơn). Chúng sống thành đàn, hiền lành, thích ăn quả đa chín; nhưng nay hiếm thấy. Người Cơ-tu ăn thịt chúng bình thường, không kiêng cử gì cả, thậm chí còn dùng mỏ làm tù và (như đang trưng bày tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam). Có thông tin cho hay rằng: người Kinh xứ Quảng gọi chim *tờ-ring* là bồ căn hoặc phượng hoàng đất.
- (10). Trên khâu cút này còn khá nhiều hình trang trí nữa, nhưng rất tiếc là hồi ấy tôi đã không nhận diện và ghi chép rõ được.
- (11). Những hình này được người Cơ-tu lý giải không thống nhất: Có người cho đó là hình sừng trâu, có người lại nói đó là hình trăng non, có người thì bảo đó là hình rựa (dao quắm).
- (12). *Tà-vac* là loại cây rừng, cùng họ với dừa và thốt nốt, người Cơ-tu lấy nước từ trong thân cây để chế thứ rượu nhẹ - một đặc sản nay còn thấy phổ biến ở xứ sở Bắc Trường Sơn.
- (13). Con *xông hơ-loóc* tương tự con kỳ đà, sống ở rừng, dài khoảng 0,60 m, vảy cứng hình thoi có chấm tròn ở giữa, màu đen-trắng, để cho kiến cắn rồi dùng vảy kẹp kiến và lấy lồi bắt kiến mà ăn. Song, con vật này to hơn kỳ đà.
- (14). Người Cơ-tu kể rằng: *Đăm Ma-riêng* mình người, đầu chim, răng sắc, sống thành đàn trong rừng, đón đường bắt người ăn thịt. *Ajêh* là quái vật khổng lồ, hình người, đầu to và dẹt như cái trống, sống lang thang từng cặp trong rừng, đàn độn, ăn mọi thứ, kể cả thịt người. Xưa kia, cả 2 đã bị người tiêu diệt (đánh chết *Đăm Ma-riêng*, lừa cho *Ajêh* ăn phải xương voi và bị hóc chết).
- (15). Người Cơ-tu quan niệm rằng *Ca-xo* là cô gái đẹp đầu người mình cá, sống dưới nước, hiền lành tốt bụng.
- (16). Đặng Nghiêm Vạn - *Quan hệ giữa các tộc người trong một quốc gia - dân tộc*. . Nxb Chính trị quốc gia. H., 1993. Tr. 96-97.